Ký bởi: Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai
Cơ quan: Tỉnh Đồng Nai
Thời gian ký: 31.12.2020 15:47:10 +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 62 /2020/QĐ-UBND	*Đồng Nai, ngày 31 tháng 12 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định lập, thẩm định, phê duyệt và tổ chức thực hiện hồ sơ quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh kèm theo Quyết định số 11/2017/QĐ-UBND ngày 15 tháng 3 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Nhà ở ngày 25 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Nghị đinh số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ ban hành quy định chi tiết một số nội dung về Quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 6573/TTr-SXD ngày 07 tháng 12 năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định lập, thẩm định, phê duyệt và tổ chức thực hiện hồ sơ quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

kèm theo Quyết định số 11/2017/QĐ-UBND ngày 15 tháng 3 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

1. Bổ sung khoản 16 vào Điều 2 như sau:

"16. Các khu vực có ý nghĩa quan trọng của tỉnh:

a) Các khu vực trung tâm hành chính - chính trị cấp huyện trở lên;

b) Các khu vực định hướng quy hoạch khu đô thị mới;

c) Các dự án có quy mô diện tích ≥ 20ha;

d) Các khu, cụm công nghiệp tập trung; khu hạ tầng kỹ thuật; cảng sông, cảng biển, an ninh quốc phòng.

đ) Các khu chức năng: di tích lịch sử, tôn giáo- tín ngưỡng; khu công nghệ kỹ thuật cao (nông nghiệp, công nghệ cao);

e) Các khu vực, dự án có ý nghĩa quan trọng khác do Ủy ban nhân dân tỉnh xác định cụ thể trong quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư dự án.

2. Khoản 3 Điều 4 sửa đổi, bổ sung như sau:

"3. Kinh phí phục vụ công tác lập và tổ chức thực hiện quy hoạch xây dựng là vốn đầu tư công phục vụ cho các công việc sau đây:"

3. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 5 Điều 8 như sau:

"a) Trường hợp dự án đầu tư xây dựng do một chủ đầu tư tổ chức thực hiện có quy mô nhỏ hơn 5 ha (không bao gồm các dự án phát triển nhà ở ngoài đô thị, đối với dự án đầu tư xây dựng nhà ở chung cư trong đô thị nhỏ hơn 2 ha) thì tiến hành lập dự án đầu tư xây dựng mà không phải lập quy hoạch chi tiết xây dựng. Bản vẽ tổng mặt bằng, phương án kiến trúc công trình, giải pháp về hạ tầng kỹ thuật trong nội dung thiết kế cơ sở phải phù hợp với quy hoạch phân khu xây dựng; đảm bảo việc đấu nối hạ tầng kỹ thuật, phù hợp với không gian kiến trúc khu vực."

4. Bổ sung các khoản 6, 7 vào Điều 8 như sau:

"6. Giao Sở Xây dựng chủ trì chấp thuận Bản vẽ tổng mặt bằng của các dự án thuộc trường hợp không phải lập quy hoạch chi tiết xây dựng theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 8 Quy định này do Sở Xây dựng tổ chức thẩm định thiết kế cơ sở.

7. Phòng Kinh tế Hạ tầng hoặc phòng Quản lý đô thị tổ chức thẩm định trình Ủy ban nhân dân cấp huyện chấp thuận Bản vẽ tổng mặt bằng của các dự án thuộc trường hợp không phải lập quy hoạch chi tiết xây dựng theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 8 Quy định này do phòng Kinh tế Hạ tầng hoặc phòng Quản lý đô thị tổ chức thẩm định thiết kế cơ sở, có trách nhiệm gửi Bản vẽ tổng mặt bằng được chấp thuận về Sở Xây dựng để phục vụ công tác quản lý quy hoạch và trật tự xây dựng thống nhất trên địa bàn tỉnh."

5. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 10 như sau:

"1. Quy hoạch xây dựng Vùng: Thời gian lập đồ án quy hoạch đối với vùng liên huyện, vùng huyện không quá 12 tháng."

6. Sửa đổi, bổ sung điểm d và điểm đ khoản 2 Điều 16 như sau:

"d) Quy hoạch chi tiết xây dựng các khu vực:

- Có phạm vi liên quan đến địa giới hành chính của 2 địa phương cấp huyện trở lên; trong đô thị mới; khu vực chưa có quy hoạch chung xây dựng được duyệt;

- Quy hoạch chi tiết các khu chức năng có ý nghĩa quan trọng của tỉnh theo quy định tại khoản 16 Điều 2 Quy định này.

- Quy hoạch chuyên ngành hạ tầng kỹ thuật đô thị."

7. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 16 như sau:

"3. Ủy ban nhân dân các huyện, Ủy ban nhân dân thành phố Long Khánh, thành phố Biên Hòa (trừ Ủy ban nhân dân huyện Nhơn Trạch thực hiện theo quy định đối với đô thị mới được quy định tại điểm b khoản 1, điểm c và điểm d khoản 2 Điều này): Phòng Kinh tế Hạ tầng hoặc phòng Quản lý đô thị tổ chức thẩm định trình Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt nhiệm vụ và đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng các khu vực trong phạm vi đã có quy hoạch chung xây dựng, quy hoạch phân khu, quy hoạch xây dựng nông thôn, trừ các quy hoạch xây dựng quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Sở Xây dựng."

8. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 17 như sau:

"1. Ủy ban nhân dân các cấp tổ chức lập quy hoạch xây dựng có trách nhiệm trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định trước khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét, phê duyệt."

9. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 18 như sau:

"1. Đối với quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, vùng huyện, thời gian thẩm định nhiệm vụ quy hoạch không quá 20 ngày, thời gian phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch không quá 15 ngày; thời gian thẩm định đồ án quy hoạch không quá 25 ngày, thời gian phê duyệt đồ án quy hoạch không quá 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định."

10. Sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 24 như sau:

"5. Trường hợp cần phải điều chỉnh ranh giới hoặc một số chỉ tiêu sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình tập trung hoặc công trình riêng lẻ trong khu vực đã có quy hoạch chi tiết xây dựng được phê duyệt, cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch chi tiết căn cứ vào nội dung quy hoạch đã được phê duyệt, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng, điều kiện hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội của khu vực, quy chế quản lý kiến trúc để quyết định việc điều chỉnh cục bộ quy hoạch chi tiết xây dựng. Việc điều chỉnh cục bộ quy hoạch chi tiết xây dựng thực hiện theo đúng quy định của pháp luật."

Điều 2. Thay thế các cụm từ và bãi bỏ các điểm, khoản tại một số Điều.

1. Điều chỉnh thay thế cụm từ "khu chức năng đặc thù" tại tên mục và các Điều 2, Điều 8, Điều 9, Điều 10, Điều 11, Điều 12, Điều 14, Điều 16, Điều 17, Điều 18, Điều 20, Điều 22, Điều 23, Điều 26, Điều 33 bằng "khu chức năng".

2. Điều chỉnh thay thế cụm từ "quy hoạch xây dựng nông thôn" tại các Điều 2, Điều 8, Điều 9, Điều 11, Điều 14, Điều 16, Điều 17, Điều 18, Điều 20, Điều 33 bằng "quy hoạch nông thôn".

3. Điều chỉnh thay thế cụm từ "thị xã Long Khánh" tại các Điều 8, Điều 9, Điều 10, Điều 16, Điều 17, Điều 18, Điều 26, Điều 31 bằng "thành phố Long Khánh".

4. Bãi bỏ điểm a, b khoản 1, điểm c khoản 4 và điểm c khoản 5 Điều 8.

5. Bãi bỏ khoản b khoản 1 Điều 10.

6. Bãi bỏ điểm d khoản 2, khoản 4 và khoản 5 Điều 16.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành thuộc tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Long Khánh, thành phố Biên Hòa, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn; các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 11 tháng 01 năm 2021./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Bộ Xây dựng (b/c);
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (b/c);
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Cục Kiểm tra VB QPPL – Bộ Tư pháp;
- Sở Tư pháp;
- Chánh, Phó Chánh Văn phòng (KTN);
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, KTN, Tan. (2206)

<D:\2020\UBT\Tham mưu XD\>

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Cao Tiến Dũng